

Bản án số: 26/2021/HNGĐ-ST  
Ngày 04/03/2021  
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Hà.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Thu Vân;
2. Ông Từ Anh Tuấn.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Anh Ly - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa:**  
Ông Nguyễn Ngọc Vương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 796/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Tuyết N, sinh năm 1984; thường trú: Ấp 3, xã Tân Lộc, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long; tạm trú: Số 273 Nguyễn Đức Thiệu, khu phố Thống Nhất 2, phường D, thành phố D1, tỉnh Bình Dương, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Trần Xuân T, sinh năm 1977; thường trú: xã Đức Lý, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam; tạm trú: tổ 17, khu phố Đông Thành, phường T, thành phố D1, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Chị Lê Thị Tuyết N có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, theo đơn khởi kiện ngày 16 tháng 9 năm 2020 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án chị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Tuyết N và anh Trần Xuân T sau thời gian tìm hiểu nhau thì tự nguyện tiến tới hôn nhân năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Lộc, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 09

tháng 3 năm 2007, Giấy chứng nhận kết hôn số 08/2007, quyển số 01. Sau khi kết hôn hai vợ chồng về sống chung tại số 273 Nguyễn Đức Thiệu, khu phố Thống Nhất 2, phường Dĩ An, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Thời gian đầu sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng được một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong lối sống và sinh hoạt, anh T không quan tâm đến gia đình nên cuộc sống gia đình trở nên căng thẳng.

Nay chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với anh Trần Xuân T.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Trần Xuân T1 sinh ngày 30/12/2006. Sau khi ly hôn chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh Trần Xuân T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Quá trình tố tụng, bị đơn anh Trần Xuân T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý và các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện do nguyên đơn cung cấp và yêu cầu anh Trần Xuân T có ý kiến đối với các yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Tuyết N nhưng anh Trần Xuân T không có ý kiến gì. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Trần Xuân T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 17/11/2020 nhưng anh T vắng mặt không có lý do; đồng thời cũng không có ý kiến và không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ gì thể hiện việc đồng ý hay không đồng ý với các yêu cầu khởi kiện của chị N.

- Ngày 11/6/2011 Tòa án xác minh tình trạng hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn và vấn đề chăm sóc nuôi dạy con chung giữa chị Lê Thị Tuyết N và anh Trần Xuân T tại Hội Liên hiệp phụ nữ phường T và được cung cấp như sau: Chị Lê Thị Tuyết N không phải là hội viên hội phụ nữ phường. Trước khi khởi kiện ly hôn tại Tòa án, chị N không có yêu cầu địa phương tổ chức hòa giải cơ sở. Hội Liên hiệp phụ nữ phường T cũng không tiếp nhận thông tin cung cấp từ đại diện khu phố cũng như người dân phản ánh. Vì vậy, Hội Liên hiệp phụ nữ phường T không rõ nguyên nhân mâu thuẫn và vấn đề chăm sóc nuôi dạy con chung giữa chị Lê Thị Tuyết N và anh Trần Xuân T. Đề nghị Tòa án căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án theo quy định.

- Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa đã tuân thủ đúng pháp luật về tố tụng dân sự, nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng quy định của pháp luật. Về nội dung: Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về điều kiện thụ lý vụ án: Chị Lê Thị Tuyết N khởi kiện yêu cầu được ly hôn, nuôi con với anh Trần Xuân T. Anh T cư trú tại tổ 17, khu phố Đông Thành, phường Tân Đông Hiệp, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương, nên đây là vụ án tranh chấp ly hôn, nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương được quy định tại khoản 1 Điều 28 và khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn chị Lê Thị Tuyết N có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Anh Trần Xuân T là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa ngày 04/03/2021 nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ theo Điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt chị Lê Thị Tuyết N và anh Trần Xuân T.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Tuyết N và anh Trần Xuân T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 09 tháng 3 năm 2007 tại Ủy ban nhân dân xã Tân Lộc, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long, Giấy chứng nhận kết hôn số 08/2007, quyển số 01, nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Thời gian đầu sau khi kết hôn tình cảm vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Nay chị N yêu cầu được ly hôn với anh T với lý do quá trình chung sống anh T và chị không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng thường xuyên cãi nhau do bất đồng về quan điểm sống, lối sống. Hai vợ chồng anh chị đã sống ly thân với nhau từ năm 2010 đến nay. Về phía anh Trần Xuân T, sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã triệu tập anh T đến tham gia phiên hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh không có mặt và cũng không có bất kỳ ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn, điều này chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị N yêu cầu ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định của Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận yêu cầu được ly hôn của chị Lê Thị Tuyết N.

[4] Về con chung: Chị Lê Thị Tuyết N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Trần Xuân T1 sinh ngày 30/12/2006. Xét thấy, quá trình tố tụng tại Tòa án, anh Trần Xuân T vắng mặt và không có văn bản nào thể hiện ý chí mong muốn được nuôi con chung, để bảo đảm quyền lợi của phụ nữ và con khi ly hôn việc giao con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình, đồng thời cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu T1. Vì vậy, có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của chị N về việc được trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án chị Lê Thị Tuyết N tự nguyện không yêu cầu anh Trần Xuân T phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Xét đề nghị của chị N là hoàn toàn tự nguyện cần được ghi nhận.

[6] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Từ những phân tích trên có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An về việc giải quyết vụ án.

[8] Án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn: Chị Lê Thị Tuyết N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, các Điều 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Tuyết N được ly hôn với anh Trần Xuân T (Giấy chứng nhận kết hôn số 08/2007, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân xã Tân Lộc, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 09 tháng 3 năm 2007).

2. Về con chung: Chị Lê Thị Tuyết N được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Xuân T1 sinh ngày 30/12/2006. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Lê Thị Tuyết N không yêu cầu anh Trần Xuân T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, chị Lê Thị Tuyết N và anh Trần Xuân T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con, không ai có quyền cản trở anh, chị thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng.

3. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị Tuyết N phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn được khấu trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0048639 ngày 07/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự (2);
- VKSND thành phố Dĩ An (1);
- CC THADS thành phố Dĩ An (1);
- TAND tỉnh Bình Dương (1);
- Lưu VT, hồ sơ vụ án (2);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Hà**

